

Số: 97/QĐ-ĐHTBD

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành
trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-ĐHTBD ngày 01/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc Ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp số 02/BBH-ĐHTBD ngày 05/8/2018 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo các ngành được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh năm 2018.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, các Bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 thực hiện;
- Lưu: VT, PDT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Văn Ba

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: **Luật**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Chuyên ngành: **- Luật Kinh tế - Dân sự**
- Pháp chế - Hành chính – Văn thư
- Luật Hình sự và Tội phạm học
- Luật Quốc tế và Ngoại thương
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

*(Ban hành theo Quyết định số: 97 /QĐ-ĐHTBD ngày 10/8/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)*



I. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Luật học tại Trường Đại học Thái Bình Dương đào tạo cử nhân ngành Luật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật quốc tế, trên cơ sở kiến thức về kinh tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có thể làm việc ở các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước hay các tổ chức nghiên cứu và tự vấn.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

Chương trình trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng cũng như những kiến thức cơ bản về Luật để sinh viên có thể vận dụng kiến thức luật trong các hoạt động thực tế.

2.2. Về kỹ năng:

Chương trình Luật nhằm phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng ứng dụng các kiến thức luật trong hoạt động thực tế

2.3. Về kỹ năng mềm:

Sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm, hội nhập được trong môi trường quốc tế.

2.4. Về năng lực:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Khối cơ quan doanh nghiệp: sinh viên có thể làm việc ở các doanh nghiệp với tư cách là chuyên viên pháp lý, chuyên viên tư vấn pháp luật.

- Khối cơ quan bộ máy nhà nước: sinh viên có thể làm việc tại tòa án nhân dân các cấp, viện kiểm sát hoặc công tác tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các sở... nơi có ban hành hoặc hướng dẫn thi hành các văn bản pháp lý.

- Khối các tổ chức nghiên cứu và tư vấn: sinh viên có thể làm việc tại các viện nghiên cứu và trung tâm cung cấp dịch vụ pháp lý như công ty Luật, văn phòng Luật sư, thừa phát lại....

2.5. Về hành vi đạo đức:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.

- Sinh viên chương trình Luật là những người có đạo đức tốt, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đồng thời, sinh viên chương trình này là người có khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt.

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

2.6. Về năng lực:

Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

II. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

III. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

123 tín chỉ (*không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*)

IV. Đối tượng tuyển sinh:

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi hoặc xét tuyển vào ngành Luật:

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp.

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành.

V. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định: Số 51/QĐ-ĐHTBD ngày 01/04/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương, số 162/QĐ-ĐHTBD ngày 08/12/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ và tin học đối với sinh viên bậc đại học các khóa tuyển sinh từ năm 2017.

VI. Thang điểm: 10

VII. Chương trình đào tạo:

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
I.	Nhóm học phần đại cương		37				
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	[1]		15	15	
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	[1]		15	15	
3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	[1]		15	15	
4	GDQP01	Giáo dục quốc phòng	[6]	45	75	15	
I.a.	Bắt buộc		16				
5	CTDT01	NNLCB CN Mác-Lênin	5	60	15	15	
6	CTDT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	10	
7	CTDT03	ĐLCM ĐCS Việt Nam	3	30	15	15	
8	CNTT01	Kỹ năng CNTT cơ bản	3	30	15	15	
9	BMVH01	Tổng quan khoa học xã hội và xã hội học	3	30	15	15	
I.b.	Tiếng Anh giao tiếp		18				
10	TAA101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.1	3	30	15	15	
11	TAA102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.2	3	30	15	15	
12	TAA201	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.1	3	30	15	15	
13	TAA202	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.2	3	30	15	15	
14	TAB101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.1	3	30	15	15	
15	TAB102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.2	3	30	15	15	
I.c.	Tự chọn (Chọn 3 tín chỉ)		3				
16	BMQT01	Nhập môn quản trị và quản trị kinh doanh	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
17	TCNH01	Nhập môn tài chính tiền tệ và ngân hàng	3	30	15	15	
18	KTKT01	Nhập môn kế toán và nguyên lý kế toán	3	30	15	15	
19	BMQT02	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	30	15	15	
20	BMVH03	Tâm lý đại cương	3	30	15	15	
21	BMVH04	Lịch sử đại cương	3	30	15	15	
22	BMVH05	Văn hóa đại cương	3	30	15	15	
II.	Nhóm học phần cơ sở ngành		12				
II.a.	Bắt buộc		9				
23	LUAT01	Lý luận nhà nước & pháp luật	3	30	15	15	
24	LUAT02	Lịch sử nhà nước & pháp luật	3	30	15	15	
25	LUAT03	Logic và kỹ năng lập luận	3	30	15	15	
II.b.	Tự chọn (Chọn 3 tín chỉ)		3				
26	LUAT06	Kinh tế học dành cho ngành luật	3	30	15	15	
27	BMQT04	Kinh tế vi mô	3	30	15	15	
28	BMQT05	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	15	
III.	Nhóm học phần cơ sở ngành và ngành		57				
III.a.	Bắt buộc		45				
29	LUAT04	Luật hiến pháp	3	30	15	15	
30	LUAT05	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3	30	15	15	
31	LUAT43	Luật hình sự - Những vấn đề chung	3	30	15	15	
32	LUAT44	Luật hình sự - Phần các tội phạm	3	30	15	15	
33	LUAT07	Luật tổ tụng hình sự	3	30	15	15	
34	LUAT08	Luật dân sự - Những vấn đề chung	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
35	LUAT09	Luật dân sự - Tài sản và quyền sở hữu	3	30	15	15	
36	LUAT10	Luật dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	3	30	15	15	
37	LUAT11	Luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự	3	30	15	15	
38	LUAT12	Luật thương mại - Các chủ thể kinh doanh	3	30	15	15	
39	LUAT13	Luật thương mại - Các hoạt động thương mại	3	30	15	15	
40	LUAT14	Luật đất đai - môi trường	3	30	15	15	
41	LUAT17	Công pháp quốc tế	3	30	15	15	
42	LUAT15	Tư pháp quốc tế	3	30	15	15	
43	LUAT16	Luật lao động	3	30	15	15	
III.b.	Tự chọn (Chọn 12 tín chỉ)		12				
44	LUAT18	Luật cạnh tranh	3	30	15	15	
45	LUAT19	Xây dựng văn bản pháp luật	3	30	15	15	
46	LUAT37	Đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	30	15	15	
47	LUAT22	Pháp luật hôn nhân và gia đình	3	30	15	15	
48	LUAT45	Luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo và PCTN	3	30	15	15	
49	LUAT34	Hoạt động công chứng, chứng thực, hộ tịch	3	30	15	15	
50	LUAT40	Luật học so sánh	3	30	15	15	
51	CTDT04	Thực tế doanh nghiệp và cộng đồng	3	30	15	15	
52	CTDT51	Tham luận hội thảo chuyên đề 1	3				
53	CTDT52	Tham luận hội thảo chuyên đề 2	3				
54	CTDT53	Tham luận hội thảo chuyên đề 3	3				

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
55	CTDT54	Tham luận hội thảo chuyên đề 4	3				
56	LUAT23	Chuyên đề luật hiến pháp nước ngoài	1		15		
57	LUAT24	Chuyên đề pháp luật về chứng khoán	1		15		
58	LUAT25	Chuyên đề pháp luật về ngân hàng	1		15		
59	LUAT26	Chuyên đề pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	1		15		
60	LUAT27	Chuyên đề pháp luật về kế toán - kiểm toán	1		15		
61	LUAT28	Chuyên đề pháp luật về tài chính doanh nghiệp	1		15		
62	LUAT29	Chuyên đề pháp luật về giao dịch bảo đảm	1		15		
63	LUAT30	Chuyên đề pháp luật về giao dịch bất động sản	1		15		
64	LUAT31	Chuyên đề pháp luật về thương mại điện tử	1		15		
65	LUAT32	Chuyên đề pháp luật về an sinh xã hội	1		15		
66	LUAT33	Chuyên đề pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng	1		15		
67	LUAT35	Chuyên đề pháp luật về thừa phát lại	1		15		
IV.	Nhóm học phần chuyên ngành (Chọn 6 tín chỉ)		6				
IV.a.	Chuyên ngành: Luật Kinh tế - Dân sự		6				
68	LUAT36	Luật thuế và ngân sách nhà nước	3	30	15	15	
69	LUAT51	Kiến tập giải quyết tranh chấp thương mại	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
70	LUAT21	Pháp luật thương mại quốc tế	3	30	15	15	
71	LUAT38	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	30	15	15	
IV.b.	Chuyên ngành: Pháp chế – Hành chính – Văn thư		6				
72	LUAT36	Luật thuế và ngân sách nhà nước	3	30	15	15	
73	BMQT03	Nghệp vụ thư ký văn phòng	3	30	15	15	
74	LUAT50	Luật tổ chức công sở và nhân sự hành chính	3	30	15	15	
75	BMVH02	Lễ tân và nghi thức ngoại giao	3	30	15	15	
IV.c.	Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tội phạm học		6				
76	LUAT46	Khoa học điều tra hình sự	3	30	15	15	
77	LUAT47	Kiến tập xét xử vụ án hình sự					
78	LUAT48	Tội phạm học và tâm lý tội phạm	3	30	15	15	
79	LUAT49	Luật thi hành án hình sự	3	30	15	15	
IV.d.	Chuyên ngành: Luật Quốc tế và Ngoại thương		6				
80	LUAT51	Kiến tập giải quyết tranh chấp thương mại					
81	LUAT21	Pháp luật thương mại quốc tế	3	30	15	15	
82	LUAT38	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	30	15	15	
83	LUAT42	Luật trọng tài thương mại quốc tế	3	30	15	15	
IV.	Nhóm học phần tốt nghiệp		11				
84	BMQT07	Kỹ năng tìm việc và thích nghi công việc (thay KLTN)	3	30	15	15	
85	LUAT39	Kỹ năng hành nghề luật (thay KLTN)	3	30	15	15	
86	LUAT53	Thực tập chuyên ngành (3 tháng)	5				

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
87	LUAT91	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc chọn thay thế các mục tự chọn) (3 tháng)	6				
	Tổng cộng		123				

VIII. Kế hoạch đào tạo:

Học kỳ	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	1	TAA101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.1	3
	2	TAA102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.2	3
	3	BMVH01	Tổng quan khoa học xã hội và xã hội học	3
	4	LUAT01	Lý luận nhà nước & pháp luật	3
	5	LUAT02	Lịch sử nhà nước & pháp luật	3
		Tổng cộng		15
2	1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	1
	2	TAA201	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.1	3
	3	TAA202	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.2	3
	4	LUAT03	Logic và kỹ năng lập luận	3
	5	LUAT04	Luật hiến pháp	3
	6	LUAT08	Luật dân sự - Những vấn đề chung	3
		Tổng cộng		16
3	1	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	1
	2	CTDT01	NNLCB CN Mác-Lênin	5
	3	LUAT43	Luật hình sự - Những vấn đề chung	3
	4	LUAT09	Luật dân sự - Tài sản và quyền sở hữu	3
		Tổng cộng		12
4	1	TAB101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.1	3
	2	TAB102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.2	3

	3	LUAT06	Kinh tế học dành cho ngành luật	3
	4	LUAT44	Luật hình sự - Phần các tội phạm	3
	5	LUAT10	Luật dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	3
	6	LUAT12	Luật thương mại - Các chủ thể kinh doanh	3
		Tổng cộng		18
5	1	CNTT01	Kỹ năng CNTT cơ bản	3
	2	BMVH03	Tâm lý đại cương	3
	3	LUAT13	Luật thương mại - Các hoạt động thương mại	3
	4	LUAT07	Luật tố tụng hình sự	3
	5	LUAT11	Luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự	3
	6	LUAT16	Luật lao động	3
		Tổng cộng		18
6	1	CTDT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	1
	3	CTDT03	ĐLCM ĐCS Việt Nam	3
	4	LUAT17	Công pháp quốc tế	3
		Tổng cộng		9
7	1	LUAT22	Pháp luật hôn nhân và gia đình	3
	2	LUAT45	Luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo và PCTN	3
	3	LUAT14	Luật đất đai - môi trường	3
	4	LUAT18	Luật cạnh tranh	3
	5	LUAT19	Xây dựng văn bản pháp luật	3
		Tổng cộng		15
8	1	GDQP01	Giáo dục quốc phòng	6
	2	LUAT05	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3
	3	LUAT15	Tư pháp quốc tế	3
		Chuyên ngành: Luật Kinh tế - Dân sự		
	4	LUAT36	Luật thuế và ngân sách nhà nước	3
	5	LUAT51	Kiến tập giải quyết tranh chấp thương mại	3
		Chuyên ngành: Pháp chế – Hành chính – Văn thư		
	4	LUAT36	Luật thuế và ngân sách nhà nước	3

	5	BMQT03	Nghị quyết vụ thư ký văn phòng	3
		Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tội phạm học		
	4	LUAT46	Khoa học điều tra hình sự	3
	5	LUAT47	Kiến tập xét xử vụ án hình sự	3
		Chuyên ngành: Luật Quốc tế và Ngoại thương		
	4	LUAT51	Kiến tập giải quyết tranh chấp thương mại	3
	5	LUAT21	Pháp luật thương mại quốc tế	3
		Tổng cộng		18
9	1	LUAT53	Thực tập tốt nghiệp	5
		Chọn học phần thay thế hoặc viết KLTN		
	2	LUAT39	Kỹ năng hành nghề luật (thay KLTN)	3
	3	BMQT07	Kỹ năng tìm việc và thích nghi công việc (thay KLTN)	3
	4	LUAT91	Khóa luận tốt nghiệp	6
		Tổng cộng		11

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Văn Ba

P.TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Nam Hà